

CÔNG TY TNHH Q&H TECH VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH Q&H TECH VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Q&H TECH VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301268861

3. Ngày thành lập: 18/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phong Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0916729148

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
29.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
31.	Dịch vụ đóng gói	8292
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
45.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
46.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
47.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
48.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
49.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
50.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
51.	Sản xuất rượu vang	1102
52.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
55.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
56.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
57.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

58.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
59.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
60.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
62.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
64.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
65.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
66.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
67.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
68.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
69.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
70.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
71.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
72.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
73.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
74.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
75.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
76.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
77.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
78.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
79.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
80.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
81.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
82.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
83.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
84.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
85.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224
88.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
89.	Cơ sở lưu trú khác	5590
90.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

92.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
93.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
94.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
95.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
96.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
97.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
98.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
99.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
100.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
101.	Đại lý du lịch	7911
102.	Điều hành tua du lịch	7912
103.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
104.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
105.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
106.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
107.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
108.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
109.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
110.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
111.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
112.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
113.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
114.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
115.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
116.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
117.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
118.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
119.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
120.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
121.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
122.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
123.	Tái chế phế liệu	3830
124.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
125.	Xây dựng nhà để ở	4101
126.	Xây dựng nhà không để ở	4102

127.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
128.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
129.	Xây dựng công trình điện	4221
130.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
131.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
132.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
133.	Xây dựng công trình thủy	4291
134.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
135.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
136.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
137.	Phá dỡ	4311
138.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
139.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
140.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
141.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
142.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
143.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
144.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
145.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
146.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
147.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
148.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
149.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
150.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
151.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
152.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TOÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/08/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027085006628

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phong Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phong Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027085006628

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phong Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phong Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh